TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 04/2023/ HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2023.
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung;

2. Bà Vũ Thị Vẻ.

Thư ký phiên toà: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST- HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐ-HNGĐ ngày 30/1/ 2022, Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 04/QĐ- TA ngày 09/01/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L (tên gọi khác là Triệu Thị Ph), sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Thôn TH, xã NX, huyện VB, tỉnh LC - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Trung T, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn TH, xã NX, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các T liệu, chứng cứ kèm theo của chị Triệu Thị L (tên gọi khác là Triệu Thị Ph), xin viết tắt là chị L trình bày, có yêu cầu: Ngày 16/01/2007, chị và anh Triệu Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Xé. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 15 năm đến đầu năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn giữ nguyên phong cách sống, uống rượu rồi điều qua tiếng lại, chửi, đánh chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh T đã bị rạn nứt, không có cách nào hàn gắn tình cảm, gay gắt vào năm 2021 mặc dù chị và anh T sống chung nhà tự sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm tính đến nay khoảng 02 năm nên chị không có thai với anh T. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh T. Chị đề nghị đ- ợc ly hôn với anh Triệu Trung T.

Về con: Chị L xác định, có 02 con chung là cháu Triệu Văn M, sinh ngày 29/6/2007; cháu Triệu Thị D, sinh ngày 04/01/2010. Hiện cháu M và cháu D đang sống cùng chị và anh T. Nay chị đề nghị Tòa giao cháu D cho chị, giao cháu M cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị và chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

Về T sản: Chị L xác định, chị và anh T tự thỏa thuận. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị L xác định, chị và anh T không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai và các T liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa hôm nay của anh Triệu Trung T trình bày, có yêu cầu: Anh công nhận chị L trình bày về thời gian kết hôn, lý do mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân phần trên là đúng. Tuy nhiên, giữa anh và chị L có nhiều lần trao đổi để thay đổi cách sống nhưng không chịu nghe mà tiếp tục giữ phong cách sống nên vợ chồng điều qua tiếng lại, cãi nhau đã không chung kinh tế từ ngày 30/8/2022 của ai người đó tự quản lý, sử dụng. Mặc dù anh và chị L vẫn sống chung nhà nhưng tự chấm dứt không quan hệ tình cảm vợ chồng từ ngày 30/8/2022 bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau tính đến nay khoảng 03 tháng, anh đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị L nhưng không có kết quả, đến nay không còn cách nào để chị L hàn gắn tình cảm vợ chồng anh. Tuy nhiên, anh có nguyện đoàn tụ vợ chồng với chị L nhưng không có cách nào để chị L đoàn tụ vợ chồng với anh. Nếu chị L cương quyết ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Nay xét thấy vẫn còn tình vợ chồng đối với chị L, mục đích đoàn tụ thì anh chưa tìm ra được cách gì để chị L đoàn tụ vợ chồng, xây dựng hạnh phúc với anh. Anh đề nghị giải quyết cho anh đ- ợc đoàn tụ vợ chồng với chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph).

Về con: Anh công nhận chị L trình bày phần trên là đúng. Anh đề nghị giao cháu Triệu Văn M, sinh ngày 29/6/2007; cháu Triệu Thị D, sinh ngày 04/01/2010 cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không yêu cầu chị Ph (chị L) cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản: Anh và chị L có tài sản chung. Tuy nhiện anh và chị L tự thỏa thuận. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị L không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho ai vay nợ vợ chồng. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Triệu Trung T vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành việc có mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 228, 229,238và Khoản 4 Điều 147Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử, chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) được ly hôn với anh Triệu Trung T.

Về con chung: Giao cháu Triệu Thị D, sinh ngày 04/01/2010 cho chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph); giao cháu Triệu Văn M, sinh ngày 29/6/2007 cho anh Triệu Trung T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D, cháu M đủ 18 tuổi.

Chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) và anh Triệu Trung T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Xét thấy, bị đơn anh Triệu Trung T cư trú tại thôn Tu Hạ, xã Nậm Xé, huyện Văn Bàn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Triệu Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng có giấy xác nhận do các đương sự cung cấp, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) xác định, ngày 16/01/2007 chị và anh Triệu Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Xé. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 15 năm, đến đầu năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn giữ nguyên phong cách sống, uống rượu rồi điều qua tiếng lại, chửi, đánh chị nhiều lần làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng nhất vào năm 2021. Anh,chị sống chung nhà nhưng ly thân, bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 02 năm, thiếu đi sự chăm lo, yêu thương, quý trọng của người chồng. Chị L yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh T mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân với anh T như hiện nay. Xét thấy, chị L thực sự không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Anh T có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng, không giao nộp T liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con để chứng M cho yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của mình là có căn cứ. Như vậy, tình

trạng hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) đề nghị được ly hôn với anh Triệu Trung T.

Về con: Mặc dù chị L và anh T không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu D và cháu M và đề nghị của chị L giao cháu D cho chị L giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét về điều kiện nuôi con của chị L và anh T, qua kết quả xác M, thấy rằng: Chị L và anh T đều có sức khỏe, có sức lao động, có nơi ở ổn định, chị L có nguồn thu nhập hàng tháng được khoảng 6 triệu đến 7 triệu đồng/tháng. Anh T có nguồn thu nhập từ nghề trồng trọt, tiền phụ cấp công an viên 745.000đ, tiền phụ cấp tổ khoán bảo vệ rừng mỗi tháng 1.600.000đ có tổng thu nhập khoảng 5 đến 6 triệu đồng/tháng. Do vậy, cả chị L (chi Ph) và anh T đều có đủ điều kiện để được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần cho cháu D và cháu M, cần chấp nhận đề nghị của chị L giao cháu D cho chị L; giao cháu M cho anh T là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu M. Chị L (Ph) và anh T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về T sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Triệu Trung T không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) đ- ợc ly hôn với anh Triệu Trung T.

2.Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Triệu Thị D, sinh ngày 04/01/2010 cho chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi; giao Triệu Văn M, sinh ngày 29/6/2007 cho anh Triệu Trung T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) và anh Triệu Trung T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không đ- ợc cản trở ng- ời không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị L (Triệu Thị Ph) phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhận và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000[đ] tại biên lai thu tiền số 0004353 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Triệu Trung T không phải chịu tiền án phí cấp dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã (01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Lựa